

Bản án số: 352/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 27 - 6 - 2023

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giữ;

Ông Nguyễn Thị Thu Sương.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 157/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thiên Nh, sinh năm 1997;

Trú tại: Tổ 05, ấp Bình Th, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang, (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Văn Th1, sinh năm 1993;

Trú tại: Tổ 07, ấp Hung Tr, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2023 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Ngô Thị Thiên Nh trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Nh và ông Th1 chung sống năm 2014, hôn nhân do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng dần về sau thì phát sinh Nhều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, ông Th1 không quan tâm lo lắng cho vợ con, bà Nh đã khuyên ngăn nhưng ông Th1 không sửa đổi, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên bà Nh yêu cầu ly hôn ông Th1.

- Về con chung: Bà Nh và ông Th1 chung sống có 01 con chung tên Lê Thiên H, sinh ngày 02/8/2016, hiện con chung đang sống với bà Nh. Ly hôn bà Nh yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu ông Th1 cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Văn Th1, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng ông Th1 vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Th1.

Tại phiên tòa:

Bà Nh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Th1 vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa thấy rằng hôn nhân của bà Nh và ông Th1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà Nh yêu cầu ly hôn với ông Th1 là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Bà Nh và ông Th1 chung sống có 01 con chung tên Lê Thiên H, sinh ngày 02/8/2016, hiện con chung đang sống với bà Nh. Cháu H đang sống cùng bà Nh do bà Nh chăm sóc nuôi dưỡng ổn định, cháu H có nguyện vọng muốn ở với bà Nh nên đề nghị giao cháu H cho bà Nh được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nh yêu cầu ông Th1 cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật phù hợp với theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên đề nghị không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Văn Th1 có hộ khẩu thường trú tại xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang. Bà Nh khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Nh và ông Th1 chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn ông bà có cuộc sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng thời gian sau xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cãi vã và phát sinh Nhiều mâu thuẫn, ông Th1 không quan tâm chăm sóc cho vợ con, bà Nh đã khuyên Nhiều lần nhưng ông Th1 không sửa đổi, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà Nh xin ly hôn với ông Th1. Quá trình giải quyết vụ án bà Nh kiên quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy bà Nh đã kiên quyết ly hôn, Tòa án đã hòa giải cho ông bà đoàn tụ

nhưng ông Th1 đều vắng mặt. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nh.

- Về con chung: bà Nh và ông Th1 chung sống có 01 con chung tên Lê Thiên H, sinh ngày 02/8/2016, hiện con chung đang sống với bà Nh. Xét, cháu H đang ở với bà Nh do bà Nh chăm sóc nuôi dưỡng ổn định, bà Nh có yêu cầu tiếp tục nuôi cháu H và cháu H có nguyện vọng muốn ở với bà Nh nên Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà Nh được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông Th1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; quyền nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nh yêu cầu ông Th1 cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Xét, bà Nh trực tiếp nuôi con chung và có yêu cầu ông Th1 cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Bà Nh phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thiên Nh.

Về hôn nhân: Bà Ngô Thị Thiên Nh được ly hôn với ông Lê Văn Th1.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 73/2016 ngày 08/7/2016 của Ủy ban dân xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Thiên H, sinh ngày 02/8/2016 cho bà Ngô Thị Thiên Nh được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Lê Văn Th1 phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 900.000đ (*Chín trăm nghìn đồng*) cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động được (bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 7/2023).

Bà Nh cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Th1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Ngô Thị Thiên Nh phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005377 ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP. Ông Lê Văn Th1 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Mỹ